

PHẨM THỨ MƯỜI LĂM: NHƯ LAI THỌ LƯỢNG

Phẩm này chính là nêu lên thọ mạng của Như Lai. Vì lấy “trần sa” làm lượng cho nên nói là “Thọ lượng.” Từ đây trở xuống nửa phẩm “Phân biệt Công đức” tức là đoạn thứ tư rộng nêu lên thọ mạng lâu dài để đoạn nghi sanh tín. Xét trong đoạn thứ tư này cũng có ba đoạn: 1. Một phẩm này chính là rộng nêu lên thọ mạng lâu dài; 2. Một đoạn Văn Trường hàng ban đầu của phẩm Phân biệt Công đức tổng nêu lên sự việc vì đại chúng bấy giờ mà thọ ký; 3. Di-lặc nói kệ tụng và phần Văn Trường hàng của Phật thuyết chỉ ra sự việc đồng lãnh ngộ hiểu biết. Lại xét trong ba đoạn này tăng thêm một phần để nói rõ nghĩa. Trong đoạn thứ nhất có hai phần, đoạn thứ hai có ba phần và đoạn thứ ba có bốn phần. Nay căn cứ trong đoạn thứ nhất có hai phần tức là nêu lên duyên khởi và rộng thuyết. Phần duyên khởi cũng có ba phần: 1. “Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như lai” trở xuống là nêu lên Như lai Ba-lần dặn bảo; 2. “Lúc đó, đại chúng Bồ-tát” trở xuống là nói lên Di-lặc v.v... bốn phen phụng hành thọ nhận sự chỉ giáo của Như Lai và “cúi xin nói đó”; 3. “Bấy giờ đức Thế Tôn” trở xuống là nêu lên đức Như Lai lại nêu ra lời chỉ giáo.

“Tất cả thế gian” trở xuống đến phẩm là đoạn thứ hai “rộng nói lên thọ mạng lâu dài.” Trong đoạn này tự có hai phần tức trường hàng và kệ tụng. Trong phần Văn Trường hàng lại có hai mục: 1. Dùng pháp để thuyết nhằm nêu ra tướng lâu dài làm lợi ích cho chúng sanh; 2. “thí như vị lương y” trở xuống đến phần Văn Trường hàng là dùng thí dụ để thuyết. Nay trong phần dùng pháp để thuyết lẽ ra có bốn đoạn nhưng do văn giản lược mà chỉ có ba đoạn. Tuy nhiên nay nêu lên đoạn thứ ba được phân định làm hai phần nên thành bốn đoạn. Làm sao biết được điều đó? Do trong thí dụ ở dưới và trong kệ có phân định cho nên mới biết. Và lại trong phần Văn Trường hàng cũng có đoạn thứ ba này. Danh tự của bốn đoạn được trình bày như sau: 1. Nêu ra đức Thích Ca trong đời quá khứ đã dùng thần thông làm lợi ích cho chúng sanh. Điều này tức tương hợp với trong phần tựa thuật lại sự khuyến khích nói “Lực thần thông của chư Phật thường tự tại”; 2. Từ “các thiện nam tử, Như Lai thấy những chúng sanh ưa nói pháp Tiểu thừa” trở xuống là nêu lên thần thông của Phật trong hiện tại làm lợi ích cho chúng sanh. Điều này tương hợp với trên nói lực sư tử mạnh nhanh của chư Phật; 3. Nêu ra thần thông làm lợi ích chúng sanh của Phật trong đời vị lai. Điều này tương ứng với ở trên nói “sức oai thế mạnh lớn của các đức

Phật”. Nên biết, sự việc này trong phần dùng pháp để thuyết không có nêu ra nhưng nay trong việc dùng thí dụ để thuyết và trong kệ thấy có xuất hiện; 4. “Lại Thiện nam tử! Pháp của các đức Phật Như lai đều như thế” trở xuống là nêu ra sự ẩn và hiện thông suốt cả ba đời nhằm nói rõ sự làm lợi ích cho chúng không có hư dối, để ngăn chặn chúng sanh khởi tâm hủy báng. Căn cứ trong bốn đoạn này mỗi đoạn đều có ba phần văn. Nay trong phần nói lên thần thông làm lợi ích cho chúng sanh của Phật trong quá khứ có ba phần được trình bày như sau: 1. Nêu ra ứng thân thành tựu thọ mạng lâu dài của Phật nhưng người mê hoặc cho đó là gần tức khai mở nghĩa gần; 2. “Thiệt ta thành Phật hẳn lại đây đã vô lượng vô biên” trở xuống tức nêu lên tướng thọ mạng lâu dài của Phật bốn nghĩa là hiển bày nghĩa lâu xa; 3. “Từ đó đến nay” trở xuống chính là nêu lên thần thông làm lợi ích cho chúng sanh của Phật trong quá khứ. Xét trong ba đoạn này tăng thêm một phần để làm rõ nghĩa: thứ nhất có một phần, thứ hai có hai phần và thứ ba có ba phần. Nay nói “tất cả thế gian đều cho rằng đức Thích ca Mâu Ni ra khỏi cung họ Thích” trở xuống là đoạn thứ nhất nêu ra đức Như Lai thật sự đã thành Phật từ lâu xa nhưng người mê hoặc nói là gần đây. Đoạn thứ nhất này chỉ nêu ra một phần mà không khai mở thêm “Nhưng thiện nam tử” trở xuống là đoạn thứ hai nêu ra căn bản của ứng hiện là đã thành Phật từ lâu xa đến nay. Trong đoạn thứ hai này tự có hai phần: 1. Trước hết dùng pháp để thuyết nói rõ thọ mạng lâu dài; 2. “Vị như năm trăm nghìn vạn ức Na-do-tha” trở xuống là nêu ra thọ mạng lâu dài làm thí dụ. Trong thí dụ này có ba phần: 1. Trước hết khai mở thí dụ lâu dài để hỏi Di-lặc; 2. Di-lặc đáp lời Phật lâu dài; 3. Đức Phật kết hợp thí dụ lâu dài. “Từ đó hẳn lại Ta thường ở cõi Ta-bà này” trở xuống là đoạn thứ ba nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh của Phật trong quá khứ. Trong đoạn thứ ba này vốn có ba phần: 1. Nêu ra nơi chốn làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ; 2. “Nơi chặng giữa đó” trở xuống là nêu tên gọi bất đồng về việc làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ; 3. “Nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta” trở xuống là nêu ra sự làm lợi ích cho chúng sanh. Lại căn cứ trong ba phần trên mỗi phần có ba đoạn. Trong phần nêu ra nơi chốn làm lợi ích cho chúng sanh có hai đoạn tức là: 1. Nói “từ đó hẳn lại, ta thường ở cõi Ta-bà” tức là riêng biệt nêu ra nơi chốn của sự lợi ích; 2. Nói “cũng ở trong trăm nghìn muôn ức na-do-tha” trở xuống “dắt dẫn lợi ích cho chúng sanh” tức tổng quát nêu ra việc làm lợi ích cho chúng sanh ở nơi khác. Trong phần nêu ra tên gọi bất đồng của việc làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ cũng

có hai: 1. Nói “nơi chặng giữa đó, ta nói Phật Nhiên Đăng v.v... và lại có các đức Phật nhật Niết-bàn” chính là nêu tên gọi bất đồng của việc làm lợi ích chúng sanh trong quá khứ. Điều này muốn nói lên đức Phật Nhiên Đăng và Định Quang là chỉ cho quá khứ của đức Thích Ca; 2. Nói “Như thế đều là dùng phương tiện để phân biệt” là giải thích lý do có danh tự bất đồng. Vì dùng phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh cho nên mới có danh tự bất đồng. Từ “các thiện nam tử, nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta” trở xuống là đoạn thứ ba nêu ra sự lợi ích cho chúng sanh. Trong đoạn này có hai phần tức là có bốn ý hợp làm hai cặp tức tạo ra hai phần; ban đầu nêu lên sự tương quan của cảm và ứng sau nêu ra hình và giáo làm lợi ích cho chúng sanh. Nay trong cặp ban đầu tức “nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta” là nêu lên căn cơ cảm ứng. “Ta dùng pháp nhãn quan sát: tín v.v... và các căn lợi độn của chúng” là nêu ra trí tuệ chiếu soi căn cơ. Cặp thứ hai tức “tùy theo chỗ đáng độ nơi nơi tự nói văn tự chẳng đồng” trở xuống là trước hết nêu ra thân giáo làm lợi ích cho chúng sanh. Điều này nói rõ hiện đời làm lợi ích chúng sanh. “Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn “tức nêu lên việc hiện tướng diệt độ làm lợi ích cho chúng sanh. “Lại dùng các phương tiện trí nói pháp” trở xuống tức nêu ra giáo làm lợi ích cho chúng sanh. Ban đầu chính là nêu ra sự thuyết pháp bất đồng và kế đến nói “có thể làm cho chúng sanh phát lòng vui mừng” tức nêu ra việc đạt được lợi ích.

“Các thiện nam tử! Như lai thấy những chúng sanh ưa nơi pháp Tiểu thừa” trở xuống là đoạn thứ hai nêu lên thần thông của Như Lai làm lợi ích cho chúng sanh trong đời hiện tại. Xét trong đoạn này cũng có ba phần: 1. Giảm bốn hành động tức trước hết nêu ra không sanh mà hiện sanh ở vương cung; 2. “Nhưng thiệt từ ta thành Phật hẳn lại lâu xa dường ấy” trở xuống là nêu lên sự việc: không diệt mà hiện diệt ở rừng cây Sa-la; 3. “Các thiện nam tử! Kinh điển của Như Lai nói ra” trở xuống là nêu ra sau khi hiện sanh và trước khi ứng diệt đều dùng thần thông làm lợi ích cho chúng sanh. Lại căn cứ trong ba phần này, mỗi phần có bốn thứ trùng nghĩa. Trong phần nêu ra không sanh mà hiện sanh có bốn trùng nghĩa tức là: 1. Thấy có chúng sanh có căn cơ chiêu cảm sanh ra; 2. Nêu lên Như lai hiện tại sanh; 3. Nêu lên có sanh mà thật chẳng sanh; 4. Giải thích ý “sở dĩ không sanh mà hiện sanh”.

Nay “Các thiện nam tử ! Như Lai thấy những chúng sanh ưa nói pháp Tiểu thừa, đức mỏng tội nặng” là trùng nghĩa thứ nhất nêu lên sự thấy căn cơ chiêu cảm sanh của chúng sanh. Chỉ do căn cơ ưa pháp Tiểu thừa và đức mỏng tội nặng cho nên chúng sanh mới chiêu cảm

được Phật xuất thế. Từ “Phật vì người đó nói: Ta lúc trẻ xuất gia đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác” là trùng nghĩa thứ hai nêu ra Như Lai hiện sanh. “Nhưng thiết từ ta thành Phật hẳn lại lâu xa dường ấy” là trùng nghĩa thứ ba nêu ra thật có sanh mà chẳng sanh. Từ “chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến vào Phật đạo” trở xuống là trùng nghĩa thứ tư, giải thích lý do sở dĩ không sanh mà hiện sanh là vì giáo hóa chúng sanh.

“Các thiện nam tử, kinh điển của Như Lai nói ra” trở xuống là phần thứ hai nêu ra đức Thích Ca sau khi hiện sanh và trước khi ứng diệt, ở khoảng giữa đó đều dùng thần thông làm lợi ích cho chúng sanh. Căn cứ trong phần này cũng có bốn trùng nghĩa:

1. Có một hàng rưỡi kệ nêu lên giáo làm lợi ích cho chúng sanh.

2. “Hoặc chỉ thân mình” trở xuống tức nêu ra hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh.

3. “Các lời nói” trở xuống có một câu dùng để tổng kết giáo làm lợi ích cho chúng sanh không có hư dối.

4. “Vì sao” trở xuống là thông suốt giải thích cả hình tướng và giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh.

Lại xét trong bốn phần này thì phần thứ nhất, thứ hai và phần thứ tư có hai mục còn phần thứ ba thì không có mở rộng. Trong việc dùng giáo làm lợi ích cho chúng sanh có hai phần: 1. Nói “kinh điển của Như Lai nói ra đều vì độ thoát chúng sanh” là tổng pháp môn nêu lên giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh, hề nói ra, bày tỏ giáo đều làm lợi ích cho vạn hữu; 2. Nói “hoặc nói thân mình” trở xuống có hai câu tức căn cứ vào biệt môn để nêu lên giáo làm lợi ích cho chúng sanh. “Hoặc nói thân mình” tức là nêu ra thân mình làm thân người khác. “Hoặc nói thân người” tức là nêu ra thân người khác làm thân mình. Vì sao nay nói “hoặc nói thân mình”? Vì tức là nói thân mình là người khác cho nên biết thể của thân tượng sáu của Phật Thích Ca là phân thân của Phật Nhiên Đăng vì thể thân này chẳng phải Ta có. “Hoặc nói thân người” tức là nói thân người khác là thân mình. Cho nên biết được trong phẩm “Hiện Bảo Tháp” có nói phân thân của mười phương chư Phật tức đều là sở hữu của Thích Ca.

Trong việc nêu ra hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh vốn có hai phần: 1. “Hoặc chỉ thân mình v.v...” gồm có hai câu nêu ra thân thể tức là chánh báo; 2. “Hoặc chỉ việc mình v.v...” gồm có hai câu nêu ra sự việc của thân tức là y báo. Nay nói “hoặc chỉ thân mình” là hoặc chỉ ra tự thân mình làm thân người khác, Do vậy biết được người và vật,

tám bộ chúng của cõi nước này đều là chỗ giáo hóa chúng sanh của Thích Ca. Pháp chủ ứng hiện chính là đức Thích Ca. Nhưng người ngồi trên pháp tòa là Phật Vô Lượng Thọ đây chính là chỉ ra thân mình làm thân người khác. “Hoặc chỉ thân người” tức là chỉ ra thân người khác làm thân mình... Do đó nên nói “như người và vật cùng bốn chúng của cõi Tây Phương đều là chúng sở hóa của Phật Vô Thượng Thọ. Tuy sự ứng hiện trên pháp tòa là Phật Vô Lượng Thọ nhưng người ngồi trên pháp tòa chính là hình dung của đức Thích Ca. Đây tức là chỉ ra thân người khác làm thân mình nhằm nói rõ biến thân người khác làm thân mình và biến thân mình làm thân người khác. “Hoặc chỉ việc mình” trở xuống có hai câu thuộc đoạn thứ tư trong việc dùng hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh nêu lên sự việc tự thân... “Hoặc chỉ việc mình” là chỉ ra sự việc của mình làm hình ảnh sự việc của người khác chẳng hạn như sự ứng hiện của Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương có tám bộ chúng đến nghe pháp như trời, rồng thuộc Tây phương nhưng quyền thuộc của Phật kia đều là quyền thuộc đệ tử của Phật Thích Ca. “Hoặc chỉ việc người” là đức Thích Ca ứng hiện có quyền thuộc nhưng quyền thuộc ấy đều là quyền thuộc của Phật Vô Lượng Thọ. Đây chính là chỉ ra sự việc của người khác làm sự việc của mình. “Các lời nói đều thiệt chẳng dối” là phần thứ ba: riêng biệt tổng kết để nêu ra giáo nghĩa làm lợi ích chúng sanh không có hư dối và phần thứ ba này không có khai mở thêm.

“Vì sao” trở xuống là phần thứ tư giải thích thông suốt hình tướng lẫn giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh. Trong phần giải thích này tự có hai phần: 1. Trước hết giải thích hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh; 2. “Chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi” trở xuống là giải thích giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh. Trong việc dùng hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh tự có ba phần: 1. Nói lên Như Lai thấy chúng sanh có căn cơ chiêu cảm hình tướng; 2. Tụng ý “nguyên do thấy rõ căn cơ”; 3. Giải thích hình tướng làm lợi ích chúng sanh không có hư dối. Nói “vì đức Như Lai đúng như thật thấy biết tướng của ba cõi” là trước hết nêu ra Như Lai thấy chúng sanh trong ba cõi có tướng căn cơ chiêu cảm hình tướng. Từ “không có sanh tử” trở xuống gồm có hai câu là phần thứ hai nêu ra ý “nguyên do Như Lai có thể thấy căn cơ”. Vì không có lỗi lầm về nhưn và pháp cho nên mới phân làm hai câu. Trước hết có một câu nêu lên pháp sanh diệt thuộc người cũng không thể nắm bắt được và một câu sau nêu lên người thuộc pháp sanh diệt cũng không thể nắm bắt. “Không có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất” là phần thứ nhất nêu ra

Như Lai đã từ kiếp lâu xa đoạn sạch nhân của sanh. Sao gọi là có sanh? Nếu có sanh ắt phải có tử nhưng đã không có sanh thì sao gọi là có tử? Điều này chính là căn cứ vào một đời mà luận “Hoặc thoái, hoặc xuất” nghĩa là tử tức thoái và sanh tức “xuất”. Đã không có tử sao còn có sanh! Hai câu này tức căn cứ vào sự xa cách đời mà bàn luận. Trước hết có một câu “không có” đều mở đầu cho bốn chữ ở trên. “Cũng không ở đời và diệt độ” gồm một câu nêu ra người thuộc sanh diệt cũng không thể nắm bắt được tức chỉ cho người thực hành. “Chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị” gồm có bốn câu thuộc phần thứ ba chính là giải thích hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh không có hư dối. “Chẳng phải thật” tức là đã có sanh diệt thì sao gọi là thật! “Chẳng phải hư” tức là vì chúng sanh sanh diệt mà làm lợi ích thì sao gọi là hư! “Chẳng phải như” tức thật tế có sanh diệt thì sao gọi là như! “Chẳng phải dị” tức do sanh diệt mà được lợi ích thì sao gọi là dị!

“Chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi” là phần thứ hai, giải thích việc dùng giáo làm lợi ích cho chúng sanh không có hư vọng. Đây cũng có ba phần: 1. Có hai câu nêu ra đức Như Lai thấy có căn cơ cảm ứng giáo nghĩa; 2. Nêu ra căn cơ của chúng sanh bất đồng 3. Nêu ra sự thuyết giáo làm lợi ích cho chúng sanh cũng có khác. Trong đây có hai câu “chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi” tức nêu lên Như Lai thấy căn cơ chúng sanh không khác nhưng vì chúng sanh trong ba cõi không thấy không cơ duyên và hình tướng của Như Lai. Nói “các việc như thế Như Lai thấy rõ, không có sai lầm” chính là nêu lên Như Lai có khả năng thấy được căn cơ của chúng sanh. “Bởi các chúng sanh có các món tánh” trở xuống là phần thứ hai nêu ra căn cơ của chúng sanh có tánh, có dục, có hạnh, có nhớ tưởng đều là cơ duyên chiêu cảm giáo nghĩa bất đồng. Từ “muốn làm cho sanh các căn lành nên dùng bao nhiêu nhưn duyên, thí dụ, ngôn từ, các cách nói pháp” trở xuống là phần thứ ba nêu ra sự thuyết giáo làm lợi ích cho chúng sanh cũng có sai khác.

“Như thế từ ta thành Phật nhẩn lại, thật là xa xa” tức nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh của Như Lai trong hiện tại vốn có ba phần. Từ đây trở xuống là phần thứ ba nêu ra sự việc không diệt mà hiện diệt. Phần này cũng có bốn thứ trùng nghĩa: 1. Nói “như thế từ ta thành Phật nhẩn lại” trở xuống “thường còn chẳng mất” là nêu ra sự việc sanh vào Vương cung nhưng chẳng phải thật sanh. Đã thành Phật lâu xa đến nay sao gọi là thật sanh; 2. Từ “các thiện nam tử, ta xưa tu hành đạo Bồ-tát, cảm thành thọ mạng, nay vẫn chưa hết” trở xuống là

nêu lên sự bất diệt; 3. Nói “nhưng nay chẳng phải thiết diệt độ mà bèn xuống nói” trở xuống “dùng phương tiện đó giáo hóa chúng sanh” chính là nói lên sự diệt độ trong hiện tại; 4. “Vì sao? Vì nếu Phật ở đời lâu” trở xuống là giải thích ý sở dĩ không diệt độ mà hiện diệt độ để làm lợi ích cho chúng sanh. Xét trong việc giải thích này tự có bốn phần: 1. Giải ý vì sao hiện diệt độ. Do chúng sanh thấy Như Lai trụ lâu ở đời mà không gieo trồng thiện căn, tham đắm năm trần sáu món dục, không thể sanh tưởng khó gặp và tâm cung kính. Vì nghĩa này cho nên Như Lai sở dĩ phải hiện diệt độ; 2. “Cho nên đức Như Lai dùng phương tiện nói rằng” trở xuống “đức Như lai khó có thể đặng thấy” là nêu ra ý khen ngợi khó có thể gặp Phật xuất thế; 3. “Các chúng sanh đó nghe lời như thế” trở xuống là nêu ra tướng hiện diệt độ để làm lợi ích cho chúng sanh; 4. Từ “cho nên đức Như Lai dầu chẳng diệt” trở xuống là tổng kết ý hiện diệt độ. Căn cứ trong bốn phần này thì phần thứ nhất có hai trùng nghĩa, phần thứ hai có ba trùng nghĩa, phần thứ ba có bốn trùng nghĩa và phần thứ tư lại không khai mở thêm. Phần thứ nhất có hai trùng nghĩa tức là: 1. “Vì sao” trở xuống có hai hàng nêu ra việc nếu Như Lai trụ lâu ở đời thì chúng sanh không sanh khởi làm thiện mà làm ác; 2. “Nếu thấy Như Lai thường trụ bất diệt” trở xuống là nêu lên chúng sanh tâm ngã mạn mà không có cung kính. Xét trong phần thứ hai tức khen ngợi Phật khó mà gặp được cũng có ba thứ trùng nghĩa: 1. “Cho nên đức Như Lai dùng phương tiện nói rằng” trở xuống có một hàng chính là nêu ra sự việc rất khó gặp Phật xuất thế; 2. “Vì sao” trở xuống có một hàng rưỡi nêu ra người ác không gặp được Phật để giải thích nghĩa “khó gặp” 3. “Do việc này” trở xuống là tổng kết ý “khó gặp”. Hai phần dưới tuy không khai triển nhưng cũng có thể hiểu được.

Nói “Nếu Phật ở lâu nơi đời thời người đức mỏng chẳng trồng cội lành” từ đây trở xuống lẽ ra nói thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong đời vị lai của Phật, nhưng do câu văn lược không có. Nay tạm đưa ra một đoạn vị lai thuộc phần thứ ba để làm căn bản cho thí dụ ở dưới.

“Lại thiện nam tử! Phương pháp của các đức Phật Như Lai đều như thế” trở xuống là phần thuyết pháp thứ tư nói lên Như lai ẩn hiện thông suốt cả ba đời làm lợi ích cho chúng sanh không có hư dối. Sự việc này cũng phân ra làm ba đoạn: 1. “Phương pháp của các đức Phật đều như thế” là trước hết gom nói đạo của chư Phật đều giống nhau; 2. “Vì độ chúng sanh” gồm có một câu nói lên ý thiết lập giáo của chư Phật chính là nói rõ nghĩa “ba đời chư Phật đều thuyết giáo là vì độ thoát chúng sanh”; 3. Nói “đều thật chẳng dối” gồm có một câu nêu ra

sự việc không hư dối.

“Ví như vị lương y” trở xuống là phần thứ hai tức dùng thí dụ để thuyết. Trong đây tự có hai phần: khai dụ và hợp dụ. Nay trước hết nêu ra việc khai mở thí dụ có bốn phần tức là lấy bốn đoạn dùng pháp để thuyết ở trên mà tạo ra thí dụ. Tuy nhiên do câu văn giảm lược nên không hợp nêu rõ mà thôi. Bốn đoạn ấy được trình bày như sau: 1. Có hai hàng rưỡi nêu ra thần thông làm lợi ích chúng sanh trong quá khứ làm thí dụ; 2. “Các người con sau lúc đó” trở xuống có hai mươi một hàng nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong hiện tại làm thí dụ; 3. “Người cha nghe các con” trở xuống có một hàng nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong đời vị lai làm thí dụ; 4. “Các thiện nam tử, ý ông nghĩ sao?” Trở xuống có một hàng rưỡi nêu ra việc làm lợi ích cho chúng sanh trong ba đời không có hư dối làm thí dụ.

Việc dùng thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ vốn có ba phần nhưng nay không chọn hai phần trước làm thí dụ mà chỉ lấy phần thứ ba làm thí dụ. Trong phần thứ ba ở trên tự có ba thứ trùng nghĩa, nay không làm thí dụ ở hai trùng nghĩa trước mà chỉ nêu ra trùng nghĩa thứ ba làm thí dụ. Thứ nhất nói lên “từ ta thành Phật thật lâu xa mà người mê hoặc cho là gần đây” nhưng nay không lấy đó làm thí dụ. Thứ hai là nêu ra sự chân thật thành Phật đã lâu xa gồm có hai phần: dùng pháp để thuyết và dùng thí dụ để thuyết. Trong việc nói lên sự thành Phật đã lâu xa vốn có ba phần: 1. Tạo ra thí dụ để hỏi Di-lặc; 2. Di-lặc trả lời; 3. Đức Như Lai đáp lời để tổng kết. Nay cũng không chọn hai phần đầu làm thí dụ mà chỉ lấy lấy phần thứ ba “nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ” làm thí dụ. Trong phần này ở văn trên tự có ba đoạn: 1. “Từ đó đến nay” trước hết nêu ra nơi chốn làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ. Trong đoạn này cũng có hai phần: riêng biệt và tổng quát nhưng nay cũng không nêu ra làm thí dụ; 2. Nêu ra danh tự làm lợi ích cho chúng sanh trong quá khứ có sự bất đồng.

Trong đoạn này tự có hai phần:

1. Nêu ra tên làm lợi ích cho chúng sanh.

2. Giải thích nguyên do có danh tự bất đồng trong việc làm lợi ích cho chúng sanh.

Hai phần này nay cũng không lấy làm thí dụ cho nên hai thứ trùng nghĩa trước cũng không nêu ra làm thí dụ; 3. Từ “nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta” trở xuống là nêu ra sự việc làm lợi ích cho chúng sanh. Nay có hai hàng nêu ra sự hứa khả để lấy đó làm thí dụ. Lại nữa trong phần

vẫn ở trên vốn có bốn ý hợp làm hai cặp nghĩa. Nay cũng tạo ra bốn đoạn làm thí dụ. “Ví như vị lương y, trí tuệ, sáng suốt” là đoạn thứ hai nêu ra trí tuệ chiếu soi rõ căn cơ làm thí dụ tương ứng với ở trên nói” ta dùng Phật nhãn quán sát các căn lợi độn như tín v. v... của chúng sanh ấy. “Khéo luyện phương thuốc trị các bệnh” tức là đoạn thứ tư nêu ra giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh làm thí dụ tương ứng với ở trên nói “lại dùng các phương tiện trí nói pháp vi diệu có thể làm cho chúng sanh phát tâm hoan hỷ”. Nay nói “khéo luyện phương thuốc” là nêu ra Như Lai khéo thấu suốt mười hai bộ kinh văn tức là nghĩa “khéo luyện phương thuốc. Nếu biết thông suốt lý của mười hai bộ kinh thì chính là “khéo luyện phương thuốc”. “Người đó nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi nhân đến số trăm” là đoạn thứ nhất nêu lên cơ duyên cảm ứng làm thí dụ, tương ứng với ở trên nói “nếu có chúng sanh nào đến chỗ của ta”. “Do có duyên sự đến nước xa khác” là đoạn thứ ba nêu lên việc dùng hình tướng đem lại lợi ích cho chúng sanh làm thí dụ tương ứng với hai câu ở trên nói: “Nơi nơi tự nói văn tự chẳng đồng niên kỷ hoặc lớn hoặc nhỏ” nhằm nói rõ việc làm lợi ích trong hiện tại nhưng nay không lấy đó làm thí dụ; câu thứ hai nói “cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn” tức nêu ra hiện tại diệt độ để làm lợi ích cho chúng sanh. Nay nói “do có duyên sự đến nước xa khác” tức lấy đó làm thí dụ. Sau lúc đó, các người con uống thuốc độc khác là đoạn thứ hai nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong hiện tại làm thí dụ. Đoạn này ở trên vốn có ba phần. Ban đầu nêu ra sự việc chẳng sanh mà hiện sanh. Kế đến nói “nơi chặng giữa đó” tức nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh, và nói rõ không diệt mà hiện. Nay lấy cả ba phần làm thí dụ: 1. Có một hàng rươi làm thí dụ thứ nhất; 2. “Các con uống thuốc độc” trở xuống là thí dụ thứ hai; 3. “Ngoài ra, những người thất tâm” trở xuống là thí dụ thứ ba. Trong đoạn nêu ra việc không sanh mà hiện sanh vốn có bốn nghĩa: 1. Nêu ra việc thấy chúng sanh có căn cơ chiêu cảm; 2. Nêu ra Như Lai hiện sanh; 3. Nói lên sanh mà thật chẳng phải sanh; 4. Giải thích ý chẳng sanh mà hiện sanh. Tuy nhiên nay chỉ nêu lên hai phần ở trước làm thí dụ. Nay nói “sau lúc đó các người con uống thuốc độc khác”, là thí dụ có căn cơ chiêu cảm. Ở văn trên nói: “Như Lai thấy các chúng sanh ưa nơi pháp Tiểu thừa, đức mỏng, cấu nặng...” Nay nói: “Các con sau đó uống thuốc khác... thuốc phát muện loạn, lăn lộn trên đất” là nói lên chúng sanh xưa kia đã từng thọ nhận lời giáo hóa chánh đáng của Như Lai nhưng sau đó lại bỏ đi mà gặp ác tri thức thọ nhận lời dạy tà kiến và mỗi người tự uống thuốc độc khác, rộng khởi

nghiệp phiền não giống như thuốc độc đã phát khởi. Do vậy sau đó trôi lăn trong ba cõi như lăn lộn trên đất. “Bấy giờ người cha từ nước xa trở về” là phần thứ hai ở trên nêu ra việc hiện sanh làm thí dụ tương ứng với văn trên nói “Phật vì người” mà nói “Ta lúc trẻ xuất gia đặng Vô thượng Chánh đẳng chánh giác” nên biết trong đây không lấy phần thứ ba và thứ tư làm thí dụ.

“Các người con uống thuốc độc, hoặc người mất bản tâm” trở xuống là phần thứ hai nêu ra sau khi hiện sanh, trước khi ứng hiện diệt độ và khoảng trung gian dùng thần thông làm lợi ích cho chúng sanh làm thí dụ. Trong phần ở trên vốn có bốn đoạn: 1. Nói lên giáo nghĩa làm lợi ích chúng sanh; 2. Nêu ra hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh; 3. Tổng kết nêu ra giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh không có hư dối; 4. Giải thích cả hình tướng lẫn giáo nghĩa làm lợi ích cho chúng sanh. Tuy nhiên nay chỉ nêu ra ba đoạn trước làm thí dụ mà không lấy đoạn thứ tư tức nêu ra hình tướng lẫn giáo nghĩa đem lại lợi ích làm thí dụ. Và trong đây không có sắp xếp theo thứ tự. Ban đầu có hai hàng rưỡi là đoạn thứ hai nêu ra việc dùng hình tướng đem lại lợi ích cho chúng sanh làm thí dụ. Từ “cha thấy các con khổ não như thế” trở xuống là đoạn thứ nhất nêu ra việc dùng giáo nghĩa đem lại lợi ích cho chúng sanh làm thí dụ. Từ “trong các con, những người chẳng thất tâm” trở xuống là đoạn thứ ba “tổng kết giáo đem lại lợi ích cho chúng sanh không có hư dối làm thí dụ. Nay trước tiên nêu ra đoạn thứ hai: Nói lên hình tướng đem lại lợi ích làm thí dụ. Nhưng trong đoạn này ở trên vốn có hai phần:

1. Nêu ra hai câu “hoặc chỉ thân mình v.v...” để nói rõ thân mình, “hoặc chỉ việc mình v.v...” là nêu ra sự việc thuộc thân mình. Nay trong phần này có ba đoạn văn:

a. “Các con uống thuốc độc hoặc người mất bản tâm” trở xuống là nêu ra ý nghiệp được hoan hỷ.

b. “Quy lạy hỏi thăm” trở xuống là nêu lên sự cung kính của thân nghiệp.

c. “Chúng con ngu si” trở xuống là nêu ra sự thỉnh cầu thuộc khẩu nghiệp. Tuy nhiên nay lấy chung hai đoạn trên làm thí dụ.

2. “Cha thấy các con khổ não như thế” là nói lên giáo nghĩa đem lại lợi ích làm thí dụ. Nhưng trong phần này ở trên vốn có hai mục. Ban đầu nói “kinh điển của đức Như Lai nói ra đều vì độ thoát chúng sanh” tức tổng quát nêu ra việc dùng giáo nghĩa làm lợi ích. Nay trước tiên lấy đó làm thí dụ tức đều đầy đủ. Tuy nhiên, pháp tướng được xem là như “sắc” và thể tướng giống như “hương”. Điều này có nghĩa lý giống như

“vị ngon”. Do vậy tên gọi của Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chính là “danh”, ba khổ là nghiệp Khổ, phiền não là Tập, chỗ diệt của ba tâm gọi là Diệt giới, định, tuệ gọi là Đạo. Tất cả những thứ như vậy gọi là thể. Do sự bức não nên gọi là khổ. Do chiêu tập nên gọi là tập. Do vốn có pháp mà không có nên gọi là diệt. Do thông suốt các vật nên gọi là đạo. Tất cả những điều như thế gọi là nghĩa. “Đâm nghiền hoà hợp” trở xuống tức là phần thứ hai trong việc nêu ra giáo nghĩa đem lại lợi ích làm thí dụ tương ứng với ở trên nói “hoặc nói thân mình hoặc nói thân người” tức là Khổ, Tập v.v... là “đâm”. Nên biết khổ v.v... ở đây giống như “giã”. “Khổ này v.v... ta đã biết” là nghĩa “hòa hợp”. “Trong các con, những người chẳng thất tâm” trở xuống là phần thứ ba “tổng kết giáo đem lại sự lợi ích không có hư dối” làm thí dụ tương ứng với ở trên nói “các lời nói đều thiệt chẳng dối”.

“Ngoài ra, những người thất tâm” trở xuống là phần thứ ba trong việc nêu ra hiện tại làm lợi ích tức “không diệt độ mà hiện diệt độ”. Trong đoạn này ở trên vốn có bốn phần: 1. Nêu ra ở tại vương cung sanh mà không sanh; 2. Nêu ra diệt mà không diệt; 3. Nêu ra sự việc không diệt mà hiện diệt; 4. Giải thích ý sở dĩ “không diệt mà hiện diệt”. “Tuy nhiên nay không lấy ba phần trước làm thí dụ mà chỉ lấy phần thứ tư làm thí dụ. Trong phần thứ tư này ở trên lại có bốn đoạn: 1. “Nếu thấy đức Phật thường còn chẳng mất, bèn sanh lòng buông lung nhằm trễ, chẳng có thể sinh ra ý tưởng khó gặp gỡ cùng lòng cung kính”; 2. Khen ngợi đức Phật thật khó có thể gặp được; 3. Nói lên hiện tại diệt độ để làm lợi ích khiến chúng sanh phát khởi cung kính mà gieo trồng căn lành; 4. Tổng kết ý hiện tại diệt độ. Nay đoạn thứ nhất chỉ có ba hàng nêu ra thí dụ thứ nhất. Từ “người cha nghĩ rằng” trở xuống có năm hàng là đoạn thứ hai “khen ngợi Phật ra đời thật khó gặp” làm thí dụ. “Bấy giờ, các con nghe cha chết” trở xuống có bốn hàng là đoạn thứ ba nêu ra sự cung kính mà gieo trồng căn lành làm thí dụ. Tuy nhiên nay tăng thêm một phần để nói rõ nghĩa. Đoạn thứ nhất có hai phần, đoạn thứ hai có ba phần, đoạn thứ ba có bốn phần. Thí dụ thứ nhất có hai phần tức là 1. “Ngoài ra những người thất tâm, thấy cha về” trở xuống có một hàng rưỡi chính là nêu lên chúng sanh thấy Phật trụ ở đời lâu nên không sanh tâm cung kính gieo trồng căn lành làm thí dụ; 2. “Vì sao” trở xuống có một hàng dùng để giải thích ý không sanh khởi thiện căn. Thí dụ thứ hai có ba phần được trình bày như sau: 1. “Người cha nghĩ rằng: người con này đáng thương” trở xuống có hai hàng nêu ra sự việc khó gặp được Phật ra đời làm thí dụ; 2. “Liên bảo rằng” trở xuống có hai hàng nêu ra

“vì dùng phương tiện mà nói lên sự diệt độ” làm thí dụ; 3. Bảo thế, rồi lại đến nước khác” trở xuống có một hàng nêu lên sự việc ở tại rừng Sa-La nhập Niết-bàn làm thí dụ. Nên biết, “các người con thấy cha đi đến nước khác mà sanh tưởng cha chưa chết” chính là nêu ra các đệ tử do chưa quyết định sanh khởi tưởng Niết-bàn. “Cũng đến nghe sứ giả mà mới sanh tưởng đã chết” tức không khác gì các đệ tử sau khi thấy Phật được trà-tỳ phân thân xá lợi bèn quyết định khởi tưởng Niết-bàn. Theo tương truyền thì câu “sai sứ giả trở về” được hiểu rằng: nêu ra sự việc sau khi Phật diệt độ, xá lợi của ngài được phân ra làm “tám học bốn đấng” tức là nghĩa “sứ giả”. Trong thí dụ thứ ba nêu ra sự phát khởi cung kính mà gieo trồng thiện căn tự có bốn phần và được trình bày như sau: 1. “Bấy giờ, các người con nghe cha chết” trở xuống có một câu tổng nêu lên sự khổ não; 2. “Mà nghĩ rằng: nếu cha ta còn sống” trở xuống có một hàng nêu ra sự lợi ích của cha khi còn sống. Ý của hai phần này có thể hiểu rõ; 3. “Hôm nay, bỏ ta xa chết ở nước khác” trở xuống có một hàng, riêng biệt nêu ra các người con đã mất cha nên sanh khởi ưu não; 4. “Tâm bèn tỉnh ngộ” trở xuống có một hàng chính là nêu ra việc sanh khởi thiện căn làm thí dụ.

“Người cha nghe các con đều đã lành mạnh” trở xuống là nghĩa thứ ba: nêu ra thân thông làm lợi ích cho chúng sanh trong đời vị lai làm thí dụ nhưng văn trên không có nêu ra. Trong đây cũng có ba đoạn: 1. Trước hết nêu lên đức Phật thấy chúng sanh trong đời vị lai có cơ duyên chiêu cảm Phật xuất thế; 2. Nêu ra sự ứng sanh của Như Lai tức nói “liền trở về”; 3. “Cho các con đều thấy” tức nêu ra hình tướng làm lợi ích cho chúng sanh trong tương lai của Phật làm thí dụ.

“Các thiện nam tử! ý ông nghĩ sao?” Trở xuống là đoạn thứ tư nêu ra sự ẩn hiện làm lợi ích cho chúng sanh của Phật trong ba đời không có hư dối làm thí dụ. “Phật nói: Ta cũng như thế” là phần hợp dụ thứ hai. Trong đây lược mà không nêu ra hợp dụ thứ ba mà chỉ hợp ba đoạn còn lại. Nay, trước hết hợp dụ nêu ra thí dụ thứ nhất. Trong việc khai mở, thí dụ ở trên gồm có bốn phần. “Ta cũng như thế” gồm một câu hợp thí dụ thứ nhất: ví như vị lương y có trí tuệ sáng suốt “Từ khi thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên” trở xuống là hợp thí dụ thứ tư vì cơ duyên sự mà đến nước xa khác, và không hợp nêu ra thí dụ thứ hai và thứ ba, tức là: “khéo luyện phương thuốc trị các bệnh” và nói “người đó nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi nhẫn đến số trăm” ở văn trên.

“Vì chúng sanh” trở xuống là hợp phần thứ hai “thần thông làm lợi ích cho chúng sanh trong hiện tại”. Trong văn ở trên vốn có ba phần

nhưng nay không hợp phần thí dụ thứ nhất và thứ hai mà chỉ hợp phần thí dụ thứ ba: không diệt độ mà hiện diệt độ. Văn trên thí dụ thứ ba này có ba phần: 1. Nêu ra chúng sanh thấy Phật trụ lâu ở đời mà không sinh lòng cung kính; 2. Nêu lên việc khó gặp đức Phật xuất thế; 3. Nêu ra sự việc hiện diệt độ khiến chúng sanh tâm cung kính. Tuy nhiên, nay chỉ hợp phần thí dụ thứ hai: khó gặp đức Phật xuất thế. Ở văn trên, trong thí dụ này tự có ba phần: 1. “Người cha suy nghĩ” trở xuống là tụng sự việc khó gặp đức Phật xuất thế; 2. “Liên bảo rằng” trở xuống là nói lên sự diệt độ; 3. “Chỉ bảo rồi” trở xuống là nêu ra sự việc nhập Niết-bàn. Tuy nhiên, nay chỉ hợp phần thí dụ thứ hai: nói sẽ nhập Niết-bàn mà không hợp phần thí dụ thứ nhất và phần thí dụ thứ ba. “Cũng không ai có thể” trở xuống là hợp nêu ra thí dụ thứ tư: đem lại lợi ích không có hư dối.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống có hai mươi lăm hàng rưỡi kệ là phần kệ tụng thứ hai cũng được phân làm hai đoạn. Ban đầu có hai mươi hàng rưỡi kệ tụng phần pháp thuyết ở trên. Kế đến, nói “thí như vị lương y” trở xuống có năm hàng tụng phần thí dụ thuyết. Ở văn pháp thuyết bên trên vốn có hai đoạn mà theo nghĩa thì tạo thành bốn đoạn. Nay, hai mươi hàng rưỡi kệ cũng được phân làm bốn đoạn: 1. Có hai hàng tụng sự việc làm lợi ích cho chúng sanh trong đời quá khứ; 2. Có ba hàng tụng sự việc làm lợi ích cho chúng sanh trong đời hiện tại; 3. Có mười bốn hàng rưỡi kệ với nghĩa nêu ra sự việc làm lợi ích cho chúng sanh trong đời vị lai; 4. Có một hàng tụng sự việc làm lợi ích cho chúng sanh thông suốt cả ba đời không có hư dối. Văn trên nêu ra lợi ích cho chúng sanh ở quá khứ có ba phần nhưng nay không tụng phần thí dụ thứ nhất: người mê hoặc cho đó là gần. Nay một hàng đầu tụng “tướng thành Phật lâu xa. Một hàng kế tiếp tụng phần thí dụ ở văn trên nêu ra thần thông làm lợi ích cho chúng sanh. Nhưng văn trên nêu ra tướng thành Phật lâu xa vốn có hai phần: pháp thuyết và thí dụ thuyết. Nay một hàng này chỉ tụng phần pháp thuyết. Tiếp đến một hàng tụng phần thí dụ: thần thông làm lợi ích cho chúng sanh ở văn trên vốn có ba mục: 1. Nói lên nơi chốn giáo hóa chúng sanh; 2. Danh tự bất đồng; 3. Nêu ra sự việc làm lợi ích cho chúng sanh. Tuy nhiên nay trong kệ không tụng mục thí dụ thứ nhất và thí dụ thứ hai mà chỉ tụng mục thí dụ thứ ba. Trong mục thí dụ thứ ba vốn có hai phần: cảm ứng tương quan và hình giáo lợi ích. Nhưng nay không tụng phần thí dụ thứ nhất mà chỉ tụng phần thí dụ thứ hai. Trong phần thí dụ thứ hai cũng có hai mục: dùng hình tướng và giáo môn làm lợi ích. Nhưng nay trong kệ không tụng mục thí dụ thứ nhất mà chỉ tụng mục thí dụ thứ hai tức nói giáo để làm lợi ích. Trong việc nói giáo để làm lợi ích vốn có hai phần: 1. Nêu ra việc nói

giáo làm lợi ích tương ứng với văn kinh nói “lại dùng nhiều thứ phương tiện nói pháp vi diệu. “Và có nửa hàng kệ nêu ra điều này; 2. Nêu ra giáo nghĩa xứng hợp với chúng sanh tương ứng với văn kinh nói “hay khiến chúng sanh phát tâm vui mừng. “Và nay trong kệ tụng cũng có nửa hàng nêu ra điều này.

“Vi độ chúng sanh vậy” trở xuống có ba hàng tụng việc làm lợi ích trong đời hiện tại. Phần này văn trên cũng có ba đoạn nhưng nay không tụng đoạn thứ nhất: “không sanh mà hiện sanh” và đoạn thứ hai “tướng thân thông làm lợi ích cho chúng sanh” mà chỉ tụng đoạn thứ ba “không diệt độ nhưng hiện diệt độ. “Văn đoạn này ở trên vốn có bốn phần: 1. Nêu lên việc sanh vào vương cung nhưng thật sự chẳng sanh; 2. Nêu lên sự diệt độ nhưng thật chẳng phải diệt độ; 3. Nêu ra hiện tại nói lên lời diệt độ; 4. Giải thích ý sở dĩ không diệt độ mà hiện diệt độ. Nay trong kệ không tụng phần thứ nhất và thứ hai mà chỉ tụng hai phần sau. “Vi độ chúng sanh vậy” trở xuống có hai hàng tụng phần thứ ba: hiện nói lên lời diệt độ. Từ “chúng thấy ta diệt độ” trở xuống có một hàng tụng phần giải thích thứ tư. Trong phần này ở văn trên có bốn đoạn nhưng nay chỉ tụng đoạn thứ ba: chúng sanh thấy diệt độ cho đến mà sanh lòng cung kính.

“Chúng sanh đã tin phục” trở xuống có mười bốn hàng rưỡi kệ tụng nghĩa nêu ra sự việc trong đời vị lai. Nay cũng phân định có bốn đoạn: 1. Năm hàng rưỡi kệ trước hết nêu ra Ba-lần xuất thế trong đời vị lai của Phật; 2. Tiếp một hàng tụng nơi chốn làm lợi ích cho loài người ở trong đời vị lai; 3. Tiếp bảy hàng tụng để giải thích sự nghi ngờ; 4. Một hàng sau tụng thọ mạng lâu dài của Như Lai để tổng kết. Thứ nhất tụng ba lần xuất thế tức có hai hàng rưỡi kệ là một lần xuất thế. “Nước khác có chúng sanh” trở xuống có một hàng rưỡi kệ lại tụng một lần xuất thế. Từ “ta thấy các chúng sanh” trở xuống có một hàng rưỡi kệ lại nêu ra một lần xuất thế nữa. “Sức thần thông như thế, ở trong vô số kiếp, thường tại núi Linh Thứu” trở xuống có một hàng tụng đoạn thứ hai tức nơi chốn làm lợi ích cho loài người trong đời vị lai. “Chúng sanh thấy tận kiếp, lúc lửa lớn thiêu đốt” trở xuống có bảy hàng là đoạn thứ ba: giải thích sự nghi ngờ. Trong sự nghi ngờ không có Tịnh độ vốn có bốn phần: 1. Có hai hàng tụng kiếp số tận mà Tịnh độ không diệt; 2. “Các trời đánh trống trời” trở xuống có một hàng tụng Tam bảo luôn luôn tồn tại; 3. “Tịnh độ ta chẳng hư” trở xuống có hai hàng tụng người có tội thì không thấy (Tịnh độ); 4. “Có tu các công đức” trở xuống có hai hàng tụng người có phước thì thường thấy (tịnh độ). “Trí lực ta như

thế” trở xuống có một hàng là đoạn thứ tư: tụng về thọ mạng lâu dài của Như lai để tổng kết.

“Các ông người có trí” trở xuống có một hàng là tụng phần thứ tư ở trên không có hư vọng.

“Như lương y chước khéo” trở xuống có năm hàng tụng phần thí dụ thuyết. Kế thí dụ thuyết tự có hai phần. Một hàng ban đầu tụng phần khai mở thí dụ và bốn hàng kế tiếp tụng phần hợp dụ. Phần khai dụ ở văn trên có bốn thí dụ nhưng nay trong kệ lược mà không tụng thí dụ thứ ba. Nay có một hàng thì câu đầu tụng thí dụ thứ nhất trong văn trên.

“Vì để trị cuồng tử” trở xuống có hai câu tụng thí dụ thứ hai. “Không thể nói hư dối” trở xuống có một câu là tụng thí dụ thứ tư không có hư dối. “Ta là cha trong đời” trở xuống có bốn hàng tụng phần hợp dụ và nay trong kệ cũng lược mà không tụng phần hợp dụ thứ ba. Ban đầu có nửa hàng tụng hợp thí dụ thứ nhất “vì phạm phu điên đảo” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ tụng hợp dụ thứ hai. “Hằng tự nghĩ thế này” trở xuống có một hàng tụng hợp dụ thứ tư: không có hư dối.
